

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06/9/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.

Các thẩm phán: ông Nguyễn Tử Lượng và bà Trần Thị Sâm.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Bích Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2024/TLPT-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “ly hôn, con chung và chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2024/QĐPT-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT ngày 14 tháng 8 năm 2024, của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Dương Thị Thu H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: xóm A, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: anh Phạm Thanh P, sinh năm 1995.

Địa chỉ: xóm B, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Viện Kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Dương Thị Thu H và anh Phạm Thanh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02 tháng 10 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, chị Dương Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Phạm Thanh P có đăng ký kết hôn ngày 10/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ và anh trai anh P được khoảng nửa tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa chị và anh P bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và từ đó dẫn đến

mâu thuẫn giữa chị với mẹ đẻ anh P. Mặc dù chị đã cố gắng chịu đựng nhưng tình trạng vợ chồng không thể cải thiện được mà ngày càng nặng nề hơn. Do không thể chịu đựng được nên chỉ sau một tháng chung sống vợ chồng đã ly thân mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, chị xin được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ban đầu chị xác định giữa chị và anh P chưa có con chung, còn tài sản vợ chồng sẽ tự thoả thuận với nhau, chị không yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung. Sau khi anh P có đơn phản tố yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung thì chị xác nhận đang mang thai con chung với anh P, sau khi sinh con đã nộp cho Toà án giấy khai sinh của con mang tên Phạm Dương Bảo M, sinh ngày 16/02/2024 và trình bày là con chung của vợ chồng xin được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị. Chị xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 23.000.000đ đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank mang tên vợ chồng do anh P đang quản lý. Khi cưới chị được bố mẹ đẻ cho 06 chỉ vàng 9999 và anh P được bố mẹ đẻ cho 05 chỉ vàng 9999, tổng là 11 chỉ vàng 9999 hiện chị đang quản lý. Khi ly hôn chị đề nghị chia đôi số tiền tiết kiệm mỗi người 11.500.000đ còn vàng của bên nào thì bên đó hưởng. Như vậy chị sẽ trả lại cho anh P 05 chỉ vàng 9999, còn anh P trả lại cho chị 11.500.000đ trong số tiền đang gửi tiết kiệm.

Tại Bản tự khai ngày 13/10/2023, Bị đơn anh Phạm Thanh P trình bày: anh và chị Dương Thị Thu H kết hôn ngày 10/5/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng mẹ đẻ anh được khoảng một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mặc dù đã được hai gia đình khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng nặng nề hơn. Từ giữa tháng 6 năm 2023 đến nay chị H về nhà mẹ đẻ ở, hai bên không còn liên lạc với nhau. Nay chị H xin ly hôn anh chưa nhất trí vì chị H đang có bầu 05 tháng và không xác định được có phải con của anh hay không. Anh xác định vợ chồng có tài sản chung là 23.000.000đ đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank mang tên vợ chồng anh đang quản lý. Khi cưới vợ chồng được bố mẹ chị H cho 10 chỉ vàng 9999 và gia đình anh cho 05 chỉ vàng 9999, tổng là 15 chỉ vàng 9999 hiện đang do chị H quản lý. Khi ly hôn anh đề nghị chia đôi số tiền tiết kiệm mỗi người 11.500.000đ còn vàng của bên nào cho thì bên đó hưởng. Như vậy chị H phải trả lại cho anh 05 chỉ vàng 9999, còn anh trả lại cho chị H 11.500.000đ trong số tiền đang gửi tiết kiệm. Đồng thời anh có đơn phản tố đề nghị Toà án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Tại bản án số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/4/2024, Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định: áp dụng các Điều 51, 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 144, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử lý hôn giữa chị Dương Thị Thu H với anh Phạm Thanh P.

Giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Phạm Dương Bảo M, sinh ngày 16/02/2024; anh P không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H, không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Chia cho anh P và chị H mỗi người được hưởng 11.500.000đ trong tổng số 23.000.000đ tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank là tài sản chung của vợ chồng (sổ tiết kiệm mang tên vợ chồng do anh P đang quản lý). Anh P chịu trách nhiệm thanh toán cho chị H số tiền 11.500.000đ; chị H chịu trách nhiệm trả lại cho anh P 05 chỉ vàng 9999 là số vàng gia đình anh P cho, hiện do chị H đang quản lý (Căn cứ quyết định của bản án anh P được quyền chủ động rút tiền tiết kiệm của vợ chồng tại Ngân hàng Vietcombank, được sử dụng toàn bộ số tiền lãi của tiền gửi tiết kiệm).

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí ly hôn, án phí chia tài sản theo giá ngạch mỗi đương sự phải nộp 575.000đ và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 08/5/2024, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện K. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử vụ án theo trình tự phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện K để xét xử lại theo hướng: xác định giá trị phần tài sản chung vợ chồng và xem xét về án phí dân sự tương ứng với giá trị phần tài sản mà các đương sự được nhận khi phân chia. Với lý do: tại đơn yêu cầu phản tố ngày 20/10/2023, cũng như trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Phạm Thanh P đều đề nghị giải quyết phân chia tài sản chung của vợ chồng là 23.000.000đ hiện đang gửi tại Ngân hàng Vietcombank và 15 chỉ vàng 9999, hiện số vàng trên do chị H đang quản lý. Quá trình giải quyết vụ án chị H đồng ý chia tài sản chung của vợ chồng là số tiền gửi tiết kiệm và số vàng được tặng cho nhưng chưa thống nhất được số lượng vàng cụ thể. Do đó, cần phải thu thập chứng cứ liên quan đến giá trị vàng 9999 tại thời điểm xét xử và xác định đúng số lượng vàng mà chị H đang quản lý để làm căn cứ tính án phí. Bản án quyết định phân chia tài sản chung của vợ chồng là số vàng 9999 nhưng không xác định nghĩa vụ chịu án phí của anh P, chị H đối với tài sản này là chưa đúng quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm Nguyên đơn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn giữ nguyên yêu cầu phản tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình giữ nguyên nội dung kháng nghị và phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 293, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình; hủy bản án sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần tài sản chung và án phí chia tài

sản chung; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K giải quyết lại vụ án về phân tài sản chung và án phí chia tài sản chung theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình được làm trong thời hạn pháp luật quy định, đúng nội dung và hình thức theo quy định tại các Điều 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng nghị nhận thấy:

[2.1] Chị Dương Thị Thu H và anh Phạm Thanh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có một con chung là cháu Phạm Dương Bảo M, sinh ngày 16/02/2024.

[2.2] Tại đơn khởi kiện và bản tự khai ban đầu chị Dương Thị Thu H chỉ đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị với anh P, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung. Sau khi anh P có đơn phản tố yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung thì chị xác nhận vợ chồng có con chung là cháu Phạm Dương Bảo M, sinh ngày 16/02/2024 và đề nghị được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh P đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị. Chị xác nhận vợ chồng có tài sản chung là 23.000.000đ đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank mang tên vợ chồng do anh P quản lý. Khi cưới chị được bố mẹ đẻ cho 06 chỉ vàng 9999 và anh P được bố mẹ đẻ cho 05 chỉ vàng 9999, tổng là 11 chỉ vàng 9999 hiện chị đang quản lý. Chị đề nghị chia đôi tiền tiết kiệm còn vàng của bên nào cho thì bên đó hưởng.

[2.3] Tại bản tự khai ngày 13/10/2023, anh Phạm Thanh P xác định vợ chồng có tài sản chung là 23.000.000đ đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank mang tên vợ chồng, anh đang quản lý. Khi cưới vợ chồng được bố mẹ chị H cho 10 chỉ vàng 9999 và gia đình anh cho 05 chỉ vàng 9999, tổng là 15 chỉ vàng 9999 chị H đang quản lý. Anh đề nghị chia đôi tiền tiết kiệm còn vàng của bên nào cho thì bên đó hưởng.

[2.4] Ngày 20/10/2023, anh Phạm Thanh P có đơn phản tố yêu cầu giải quyết về con chung và tài sản chung. Ngày 23/10/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố. Ngày 24/10/2023, anh Phạm Thanh P nộp tiền tạm ứng án phí là 2.750.000đ. Ngày 24/10/2023, Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo số 01/TB-TLPT về việc thụ lý yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng là tiền trong thẻ tiết kiệm do anh P đang quản lý 23.000.000đ và 1,5 cây vàng 9999 do chị H đang quản lý, tổng trị giá tài sản là 110.000.000đ.

[2.5] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị H đều xác nhận tài sản chung của vợ chồng là số tiền 23.000.000đ đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank và số lượng vàng 9999 mà hai gia đình cho khi cưới (anh P khai 15 chỉ, chị H khai 11 chỉ). Riêng số vàng gia đình anh P cho khi cưới cả anh P và chị H đều xác định là 05 chỉ vàng

9999, đây là sự kiện không phải chứng minh. Số vàng 9999 gia đình chị H cho khi cưới các bên khai không thống nhất và không có căn cứ gì chứng minh gia đình chị H cho 10 chỉ như anh P khai hay cho 06 chỉ như chị H khai, tại phiên toà phúc thẩm anh P lại khai cho 06 chỉ. Việc làm rõ số lượng vàng 9999 mà gia đình chị H đã cho 06 chỉ hay 10 chỉ là căn cứ để tính án phí dân sự mà chị H phải nộp nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp tài liệu chứng cứ, xác minh làm rõ số lượng cụ thể mà các bên khai còn đang mâu thuẫn.

[2.6] Toà án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của anh P về tài sản chung của vợ chồng, phân chia số tiền 23.000.000đ đang gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Vietcombank, buộc các đương sự phải nộp án phí của số tiền này, đồng thời quyết định chị H chịu trách nhiệm trả lại cho anh P 05 chỉ vàng 9999 do gia đình anh P cho, hiện do chị H đang quản lý nhưng lại không xác định chị H được hưởng số lượng vàng 9999 mà gia đình đã cho là bao nhiêu, không xem xét giá trị của 01 chỉ vàng 9999 tại thời điểm xét xử là bao nhiêu, đồng thời không buộc anh P, chị H phải nộp án phí của số vàng 9999 mà các bên được hưởng là không đúng quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[2.7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 08/5/2024 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình; hủy bản án sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần tài sản chung và án phí chia tài sản chung (mục 3, 4 trong phần quyết định của bản án sơ thẩm); chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án về phần tài sản chung và án phí chia tài sản chung theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản của các đương sự được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm về phần tài sản chung.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, con chung và án phí ly hôn không có kháng cáo, kháng nghị và không liên quan đến việc xem xét nội dung kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310, khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hủy bản án sơ thẩm số 10/2024/HNGĐ-ST ngày 26/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình về phần tài sản chung và án phí chia tài sản chung; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K giải quyết lại vụ án về phần tài sản chung và án phí chia tài sản chung theo thủ tục sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Tử Lượng Trần Thị Sâm

Tạ Văn Vinh